

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ XUYÊN  
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/DS-ST  
Ngày: 16 – 01 – 2025  
V/v tranh chấp hợp đồng mua  
bán tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Nguyễn Hồng Phượng.
- Ông Huỳnh Văn Hiệp.

*Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.*

Ngày 16 tháng 01 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2024/TLST-DS, ngày 14 tháng 10 năm 2025, về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 322/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 254/2024/QĐST-DS, ngày 18 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Quang S** – Chủ hộ kinh doanh Tân Thành C, địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Yến N.

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện Đ, thành phố Cần Thơ; địa chỉ liên hệ: Ấp B, xã P, huyện X, tỉnh Sóc Trăng, (đại diện uỷ quyền, theo hợp đồng uỷ quyền chứng thực ngày 17-6-2024); (vắng mặt).

- Bị đơn:

- Ông **Trần Văn V**; (vắng mặt).
- Bà **Phan Thị Cẩm H**; (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*1. Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quang S – Chủ hộ kinh doanh Tân Thành C và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (đại diện uỷ quyền) là bà Phạm Thị Yến N đều trình bày:*

Vào năm 2017 ông S có thỏa thuận mua bán thức ăn và thuốc thủy sản với ông Trần Văn V và bà Phan Thị Cẩm H thông qua lời nói không lập thành văn bản. Nội dung giao dịch như sau:

Ông S sẽ cung cấp thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa, các nhãn hiệu khác cùng với thuốc và hóa chất nuôi trồng thủy sản cho ông V và bà H. Số lượng cụ thể sẽ được bên ông, bà đặt hàng thông qua đơn đặt hàng gửi cho ông S. Ông V và bà H hoặc người nhà của 02 ông, bà có thể trực tiếp đến kho hàng để lấy hàng hoặc nhân viên bên ông S sẽ hỗ trợ vận chuyển. Ông V và bà H khi nhận hàng sẽ tiến hành kiểm tra và ký vào sổ đối chiếu xác nhận giao nhận hàng.

Về nghĩa vụ thanh toán: Ông V và bà H phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền hàng cho ông S khi thu hoạch tôm. Trường hợp ông V và bà H nuôi tôm bị thất thu thì không đương Nên làm mất nghĩa vụ thanh toán.

Trong thời gian thực hiện giao dịch, ông S đã tiến hành cung cấp đầy đủ số lượng hàng hóa theo yêu cầu của ông V và bà H. Ông V và bà H cũng không có phản ánh gì về số lượng, chất lượng, loại hàng hóa mà ông S đã cung cấp. Mặc dù ông S đã thực hiện đúng thỏa thuận nhưng ông V và bà H đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, cụ thể là đến cuối vụ tôm ông, bà không thanh toán hết tiền hàng cho ông S, số C nợ lúc này ông V và bà H còn nợ là 151.836.000 đồng.

Ông S đã cử nhân viên liên hệ và làm việc với ông V và bà H để tiến hành thanh toán theo hình thức trả dần hàng tháng. Ngày 02-4-2020 ông V có trả cho ông S 5.000.000 đồng để giảm C nợ. Ngày 29-5-2024 hai bên đã ký bảng đối chiếu C nợ, theo đó ông V đã ký xác nhận còn nợ ông S số tiền là 146.836.000 đồng.

Nay ông S khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông V và bà H trả cho ông S số tiền gốc là 146.836.000 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng), phải thanh toán ngay một lần khi bản án/quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật và trả tiền lãi chậm thanh toán theo quy định của pháp luật kể từ khi Toà án tuyên án đến khi trả hết nợ.

*2. Trong biên bản lấy lời khai đương sự ngày 03-01-2025 của Toà án đối với bị đơn ông Trần Văn V, ông V trình bày:*

Ông Trần Văn V thống nhất với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; hiện nay ông V còn nợ nguyên đơn số tiền 146.836.000 đồng; ông cùng với vợ là bà Phan Thị Cẩm H biết việc nợ này vì vợ chồng cùng làm ăn, nhưng do hoàn cảnh hiện nay khó khăn nên ông V không có điều kiện và khả năng trả nợ.

3. *Đối với bị đơn bà Phan Thị Cẩm H:* Bà Phan Thị Cẩm H đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra, C khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia tố tụng, nhưng bà H đều vắng mặt không lý do, cũng không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ và văn bản ghi ý kiến của bà đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 02-01-2025, Tòa án có lập biên bản không lấy lời khai của bà H được, vì bà H đi làm ở thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Theo ông Trần Văn V trình bày thì do bà H đi làm thuê ở thành phố Sóc Trăng, hàng ngày đi về nhà trễ nên không tham gia vụ án được.

4. *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông S yêu cầu buộc bị đơn ông V, bà H trả nợ là có cơ sở chấp nhận.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Trần Quang S – Chủ hộ kinh doanh Tân Thành C yêu cầu bị đơn ông Trần Văn V, bà Phan Thị Cẩm H trả nợ tiền mua thức ăn, thuốc và hóa chất nuôi trồng thủy sản nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và bị đơn có địa chỉ cư trú ở ấp T, xã P, huyện X, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về việc vắng mặt của các đương sự: Bà Phạm Thị Yên N là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Trần Văn V và bà Phan Thị Cẩm H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa họp lệ hai lần, nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của các đương sự không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn và bị đơn ông V đều thống nhất là vào năm 2017 ông S có thỏa thuận mua bán thức ăn và thuốc thủy sản với ông Trần Văn V và bà Phan Thị Cẩm H thông qua lời nói không lập thành văn bản; ông S đã giao đầy đủ số lượng

hàng hóa theo yêu cầu của ông V, bà H và ông, bà cũng không có ý kiến gì về hàng hoá; đến cuối vụ tôm năm 2017 ông, bà không thanh toán hết tiền hàng cho ông S nên còn nợ là 151.836.000 đồng. Ngày 02-4-2020 ông V trả cho ông S 5.000.000 đồng và ngày 29-5-2024 hai bên đã ký bảng đối chiếu C nợ, theo đó ông V đã ký xác nhận còn nợ ông S số tiền là 146.836.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự không phải chứng minh.

[3] Bên nguyên đơn và bị đơn ông Trần Văn V đều thừa nhận, sau khi ký kết hợp đồng, phía ông Trần Quang S – Chủ hộ kinh doanh Tân Thành C có phân phối thức ăn cùng với thuốc và hóa chất nuôi trồng thủy sản cho ông V và bà H; theo ông V trình bày thì ông và vợ là bà H cùng làm ăn, ông V còn nợ tiền mua thức ăn của C ty Tân Thành C số tiền là 146.836.000 đồng.

[4] Như vậy, có đủ căn cứ xác định ông V, bà H còn nợ ông S - Chủ hộ kinh doanh Tân Thành C số tiền là 146.836.000 đồng, nên Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S - Chủ hộ kinh doanh Tân Thành C, buộc ông V và bà H trả cho ông S - Chủ hộ kinh doanh Tân Thành C nợ gốc 146.836.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 430, 434, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông S – Chủ hộ kinh doanh Tân Thành C.

Đồng thời, căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì ông V và bà H còn phải chịu tiền lãi đối với tiền nợ gốc cho đến khi trả xong nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban TH vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì: “Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông S – Chủ hộ kinh doanh Tân Thành C được chấp nhận toàn bộ nên trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Bị đơn ông V và bà H có trách Nệm trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như sau: 146.836.000 đồng x 5% = 7.341.800 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 94, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 430, 434, 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quang S – Chủ hộ kinh doanh Tân Thành C. Buộc bị đơn ông Trần Văn V và bà Phan Thị Cẩm H có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Trần Quang S – Chủ hộ kinh doanh Tân Thành C số tiền nợ gốc là 146.836.000 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án là ông Trần Quang S – Chủ hộ kinh doanh Tân Thành C cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án là ông Trần Văn V và bà Phan Thị Cẩm H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền vốn còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc ông Trần Văn V và bà Phan Thị Cẩm H phải liên đới chịu án phí là 7.341.800 đồng (Bảy triệu ba trăm bốn mươi một nghìn tám trăm đồng).

3.2. Ông Trần Quang S – Chủ hộ kinh doanh Tân Thành C không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.671.000 đồng (Ba triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004743 ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Toà án tổng đạt bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Cao Thanh Nhanh**